

Số: **63** /2026/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày **29** tháng **6** năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư
miền núi, vùng thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 337/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban



nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư vùng thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-DT ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 335/BC-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi, vùng thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi, vùng thiên tai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030.

2. Địa bàn áp dụng

a) Nhóm I: Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã khu vực I, II, III; các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ở các xã, phường không thuộc các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030); các xã hải đảo: xã Tân Hiệp, xã Tam Hải và đặc khu Hoàng Sa.

b) Nhóm II: Các xã, phường còn lại (trừ các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) không thuộc danh sách được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung (gọi tắt là hộ di dời tập trung), xen ghép (gọi tắt là hộ di dời xen ghép) hoặc ổn định tại chỗ (gọi tắt là hộ bố trí ổn định tại chỗ) theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sạt trượt, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ ống, lũ quét; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sạt trượt, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ ống, lũ quét, ngập lụt, nước dâng; Hộ gia đình ở vùng đặc biệt khó khăn tại địa bàn Nhóm I (gồm: Hộ gia đình sống phân tán; hộ gia đình sống ở các khu vực xa xôi, hẻo lánh không có điều kiện để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, không đảm bảo điều kiện phát triển sản xuất, ổn định đời sống).

b) Hộ gia đình, cá nhân đã được ngân sách thành phố hỗ trợ trước đây để thực hiện di dân tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ nhưng hiện nay tiếp tục bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sạt trượt, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ ống,



lũ quét hoặc vùng/khu vực/khu tái định cư tập trung được xây dựng trước đây tiếp tục bị/có nguy cơ bị sạt lở đất, sạt trượt, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ ống, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

c) Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư vùng thiên tai theo Nghị quyết này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hộ gia đình, cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này là những người cùng đăng ký thường trú tại một chỗ ở (nhà ở) hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về cư trú.

2. Vùng thiên tai là vùng có hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ ống, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

3. Bố trí dân cư xen ghép là di chuyển hộ gia đình đến xen cư vào các khu/điểm dân cư hiện có, kể cả mở rộng khu dân cư hiện có.

4. Bố trí dân cư tập trung là di chuyển hộ gia đình đến khu tái định cư tập trung thành lập khu dân cư mới.

5. Bố trí ổn định tại chỗ: Ổn định hộ gia đình tại chỗ nhưng thích ứng với thiên tai.

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc thực hiện

a) Ưu tiên thực hiện theo thứ tự: Nơi có nguy cơ rất cao, nguy cơ cao và nguy cơ bị ảnh hưởng về thiên tai (sạt lở đất, sạt trượt, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, lũ ống, ngập lụt, nước dâng) được bố trí thực hiện trước nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định tiêu chí để xác định thứ tự ưu tiên trong tổ chức thực hiện.

b) Bố trí ổn định dân cư phải đảm bảo phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt, sản xuất của người dân địa phương; trên cơ sở nguyện vọng, sự tự nguyện và đồng thuận của người dân, cộng đồng dân cư. Đảm bảo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; bảo vệ an ninh quốc phòng, môi trường sinh thái. Đảm bảo kết cấu hạ tầng thiết yếu và phát triển sản xuất.

c) Nhà nước hỗ trợ một lần sau khi hộ gia đình, cá nhân hoàn thành di dời, ổn định tại nơi ở mới hoặc hoàn thành việc nâng cấp, sửa chữa nhà ở và được



nghiệm thu theo quy định. Trong cùng thời điểm mà có nhiều chính sách hỗ trợ cùng một nội dung thì được áp dụng một chính sách có lợi nhất.

d) Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng định mức, đúng phạm vi, đối tượng, kịp thời, theo dự án, phương án bảo đảm có sự tham gia của người dân trong toàn bộ quá trình lập, phê duyệt dự án, phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Không xem xét hỗ trợ đối với các trường hợp xây dựng nhà ở trái phép trong khu vực đã được cảnh báo nguy cơ thiên tai.

2. Điều kiện được hỗ trợ

Hộ gia đình, cá nhân được sắp xếp, bố trí ổn định dân cư phải phù hợp với quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan; đồng thời phải có nhà ở thuộc diện phải di dời theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có nhà ở bị thiệt hại hoàn toàn, bị ảnh hưởng do thiên tai hoặc có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra.

3. Các trường hợp không được hỗ trợ

a) Hộ gia đình có nhiều nhà ở (từ hai nhà ở trở lên) trên cùng địa bàn một cấp xã mà có ít nhất một nhà không nằm tại khu vực cần phải di dời.

b) Hộ gia đình sống ở moong, chòi, chái tạm, mái che chung với bố mẹ hay hộ khác.

c) Hộ gia đình đã được hưởng các chính sách hỗ trợ về nhà ở, nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, đường dân sinh, đất sản xuất, công trình vệ sinh, các nội dung hỗ trợ liên quan theo các chương trình, dự án khác có sự trùng lặp với nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này (trừ đối tượng được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này).

Điều 5. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Nội dung hỗ trợ chung cho đối tượng hộ di dời tập trung, hộ di dời xen ghép

a) Hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ để thực hiện di chuyển người và tài sản.

b) Hỗ trợ 60 triệu đồng/hộ tại địa bàn các xã, phường thuộc Nhóm II, 100 triệu đồng/hộ tại địa bàn các xã, thôn thuộc Nhóm I để mua vật liệu làm nhà tại nơi ở mới.

c) Hỗ trợ công trình nhà vệ sinh: Không quá 10 triệu đồng/hộ.

d) Hỗ trợ kinh phí khai hoang đất sản xuất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất đối với hộ gia đình, cá nhân xác nhận chưa có đất sản xuất. Đối với khai hoang, việc hỗ trợ chỉ áp dụng tại địa bàn còn quỹ đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi hoàn thành việc khai hoang hoặc hoàn thành

thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Mức hỗ trợ không quá 22,5 triệu đồng/hộ.

2. Hỗ trợ hộ bố trí ổn định tại chỗ

Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này nhưng trên địa bàn không còn quỹ đất để bố trí tái định cư tập trung hoặc xen ghép thì được hỗ trợ để xây mới, sửa chữa, nâng cấp nhà ở, vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác. Đối với xây mới thì mức hỗ trợ tối đa: 100 triệu đồng/hộ; đối với sửa chữa, nâng cấp thì hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/hộ. Việc hỗ trợ sau khi đối tượng đã hoàn thành việc sửa chữa, nâng cấp nhà ở, vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác.

3. Hỗ trợ trực tiếp cho hộ di dời xen ghép trong địa bàn cấp xã (ngoài những nội dung hỗ trợ được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này)

a) Hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/nền nhà/hộ tại địa bàn các xã, phường thuộc Nhóm II, 40 triệu đồng/nền nhà/hộ tại địa bàn các xã, thôn thuộc Nhóm I để thực hiện san lấp nền nhà.

b) Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân (tại những nơi không có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung) mua các vật dụng chứa nước chuyên dụng hoặc tự xây dựng bể chứa nước đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sinh hoạt theo quy định, có dung tích tối thiểu 500 lít hoặc tự đào giếng hoặc tự tạo nguồn nước đáp ứng quy chuẩn nước sinh hoạt, các vật tư thiết yếu phục vụ cấp nước sinh hoạt khác. Mức hỗ trợ: 03 triệu đồng/hộ tại địa bàn các xã, phường thuộc Nhóm II, 04 triệu đồng/hộ tại địa bàn các xã, thôn thuộc Nhóm I.

c) Đường dây điện đầu nối đến từng hộ (phần sau công tơ), chiều dài tối đa 100m/hộ: Hỗ trợ không quá 3,5 triệu đồng/hộ tại địa bàn các xã, phường thuộc Nhóm II, 05 triệu đồng/hộ tại địa bàn các xã, thôn thuộc Nhóm I.

d) Làm đường dân sinh bê tông xi măng, chiều dài tối đa 100m/hộ: Không quá 10 triệu đồng/hộ tại địa bàn các xã, phường thuộc Nhóm II, 20 triệu đồng/hộ tại địa bàn các xã, thôn thuộc Nhóm I.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân đối với các nội dung quy định tại khoản 1, 2 Điều này sau khi đối tượng thực hiện các nội dung.

Điều 6. Trình tự thủ tục thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT được sửa đổi bởi Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Hằng năm, ngân sách thành phố bố trí 200 tỷ đồng/năm để thực hiện Nghị quyết này.

2. Lòng ghép nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng



đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

3. Ngoài ra, tùy điều kiện ngân sách cấp xã chủ động cân đối bổ sung, lồng ghép từ các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030 và thay thế Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 07 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đối với các trường hợp đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và đang thực hiện các thủ tục để được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực nhưng chưa được hưởng chính sách thì tiếp tục được thực hiện và hưởng chính sách theo quy định của Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật. Trong đó, đề nghị:

- Rà soát đầy đủ nhu cầu vốn của từng địa phương, có phương án phân bổ kinh phí cho từng địa phương theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm sử dụng ngân sách hiệu quả, đúng mục đích.

- Đối với việc đầu tư các khu dân cư tập trung, đề nghị khẩn trương rà soát tổng thể, xác định nhu cầu cần đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030; tổng mức đầu tư dự kiến; tiêu chí, sắp xếp thứ tự ưu tiên và lộ trình triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, xây dựng phương án cân đối nguồn lực thực hiện, trình HĐND thành phố xem xét, quyết định tại Kỳ họp gần nhất.

- Rà soát đưa các dự án cấp bách do ngân sách thành phố đầu tư vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030, trình HĐND thành phố quyết định để có sở sở triển khai các thủ tục tiếp theo.

- Việc đề xuất đầu tư các khu tái định cư tập trung cần được tính toán đồng bộ, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu thực tế, vừa chủ động nguồn quỹ đất, nhưng cũng không để xảy ra lãng phí nguồn lực do đầu tư dàn trải, sử dụng không hiệu quả. Nghiên cứu việc phân cấp, phân quyền đầu tư, thẩm định, phê duyệt các thủ tục hồ sơ đầu tư các dự án khu dân cư tập trung để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.



- Tổ chức hướng dẫn thực hiện thống nhất trên toàn thành phố; quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố những khó khăn, vướng mắc, nội dung vượt thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định. Định kỳ hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp cuối năm về kết quả thực hiện, tình hình giải ngân và đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị quyết trong trường hợp cần thiết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá XI, Kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các VP: Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT, Tài chính;
- Vụ Pháp chế các Bộ: NN&MT, Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố Đà Nẵng;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành uỷ;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường, đặc khu;
- Báo và PTTH Đà Nẵng, Chuyên đề CATP ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Cổng TTĐT thành phố, Công báo thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Dũng